TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO YÊN** **TỈNH LÀO CAI** Bản án số: 14 /2020/HNGĐ-ST Ngày 20 tháng 7 năm 2020 (V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn)	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ông Vũ Quang Đại.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Út;

2. Ông Nguyễn Ngọc Côn.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: ông Phan Quốc Vương, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Toàn - Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2020/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11 ngày 09 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Bàn Đình T - sinh năm 1988;

Trú tại: B3, Vài S, xã Thượng H, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai - có mặt.

2. Bị đơn: chị Đặng Thị H - sinh năm 1988;

Trú tại: B3, Vài S, xã Thượng H, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tự khai và lời trình bày của anh Bàn Đình Tcó nội dung như sau:

Anh Bàn Đình Tvà chị Đặng Thị H không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 tại B3, Vài S, xã Thượng H, huyện Bảo Yên. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, do mẹ đẻ chị H mua cho anh chị 01 thửa đất để làm nhà, vì lý do đó chị H thường xuyên chửi mắng anh Trung. Ngoài công việc gia đình anh Tcòn tham gia công tác tại UBND xã Thượng Hà. Chị H cho rằng anh Tthường xuyên tụ tập chơi bời không qua tâm đến gia đình, nên vợ chồng luôn bất hòa. Để giải quyết sự việc anh Tđã nhờ hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng anh chị vẫn không thể đoàn tụ được. Từ tháng 7 năm 2019 anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xác định không thể tiếp tục chung sống được anh Tkhởi kiện yêu cầu ly hôn chị H.

Về con chung anh chị có 02 con chung. Cháu Bàn Như Q - sinh ngày 03 tháng 02 năm 2010 và cháu Bàn Bảo Q - sinh ngày 21 tháng 6 năm 2015.

Sau khi ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 cháu không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung anh Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai của chị H thống nhất với anh Tvề thời điểm chung sống, về con chung và không yêu cầu chia tài sản chung, nhưng chị H không nhất trí với anh Tvề nguyên nhân mâu thuẫn. Theo chị H nguyên nhân mâu thuẫn do anh Tcó quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến giữa anh Tvà chị H luôn bất hòa. Nay anh Tkhởi kiện yêu cầu ly hôn, chị H nhất trí ly hôn. Về con chung chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con, không yêu cầu anh Tcấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận về con chung như sau:

Anh Bàn Đình T , trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Bàn Như Q - sinh ngày 03 tháng 02 năm 2010; Đặng Thị H, trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Bàn Bảo Q - sinh ngày 21 tháng 6 năm 2015 không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của

pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án:

Áp dụng Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81. 82, 83; Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận quan hệ giữa anh Bàn Đình T và chị Đặng Thị H là vợ chồng.

- Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Anh Bàn Đình T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Bàn Như Q - sinh ngày 03 tháng 02 năm 2010; chị Đặng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Bàn Bảo Q - sinh ngày 21 tháng 6 năm 2015 không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Anh Bàn Đình Tkiện yêu cầu ly hôn chị Đặng Thị H, chị H cư trú tại huyện Bảo Yên. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bảo Yên được quy định tại các Điều 28; 35 và 39 bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Bàn Đình T và chị Đặng Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 đến nay không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn mà không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Quan hệ hôn nhân giữa anh chị không được pháp luật công nhận. Không công nhận quan hệ giữa giữa anh Bàn Đình Tvà chị Đặng Thị H là vợ chồng là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập được chứng cứ anh Bàn Đình T thu nhập bình 14.000.000đ đến 15.000.000 đông/01 tháng; Chị Đặng Thị H thu nhập 2.500.000đ đến 3.000.000 đồng/01 tháng. Vì vậy của anh Tvà chị H đều có đủ điều kiện để nuôi con. Trong bản lấy

ký kiến của cháu Bàn Như Q cháu có nguyện vọng sau khi anh Tvà chị H ly hôn cháu có nguyện vọng được sống cùng anh Trung. Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc nuôi con chung cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên là phù hợp.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81. 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận quan hệ giữa anh Bàn Đình T và chị Đặng Thị H là vợ chồng.

2. Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Anh Bàn Đình T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Bàn Như Q - sinh ngày 03 tháng 02 năm 2010; chị Đặng Thị H, trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Bàn Bảo Q - sinh ngày 21 tháng 6 năm 2015 không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Bàn Đình T và chị Đặng Thị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Anh Bàn Đình T phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng. Nhưng được trừ và số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001726 ngày 14 tháng 2 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lào Cai;*
- *VKSND huyện (2);*
- *Chi cục THADS huyện (2);*
- *Các đương sự (2);*
- *Lưu Hsơ (2);*
- *Lưu tập án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Quang Đại